

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung năm 2022, năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận (“Công ty”/“PNJ”) ngày 11/02/2026 (“Điều lệ”);
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 244/2026/BBH-ĐHĐCĐ-CTY ngày 22/04/2026.

QUYẾT NGHỊ

ĐIỀU 1: THÔNG QUA BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty với các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2025 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2024	2025	% Tăng trưởng	% Thực hiện kế hoạch 2025
Doanh thu	38.232.401	35.410.590	-7,4%	112,0%
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.673.503	7.683.848	+15,1%	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.652.129	3.519.885	+32,7%	
Lợi nhuận khác	(1.117)	27.955		
Lợi nhuận trước thuế	2.651.012	3.547.839	+33,8%	
Lợi nhuận sau thuế	2.112.916	2.828.497	+33,9%	144,3%
Tỷ lệ chi trả cổ tức tiền mặt	20%	20%		

ĐIỀU 2: THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2025

ĐHĐCĐ thông qua các nội dung cụ thể như sau:

2. 1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận thực hiện sau thuế thu nhập doanh nghiệp (gọi tắt là lợi nhuận sau thuế) và trích lập các quỹ năm 2025 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

I. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025 (HỢP NHẤT)	Số tiền
- Lợi nhuận trước thuế năm 2025	3.547.839
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	849.657
- Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(130.315)
- Lợi nhuận sau thuế	2.828.497
II. TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ ĐƯỢC PHÂN PHỐI	2.828.497
- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 được phân phối	2.828.497
1. Trích lập các quỹ	1.354.518
- Quỹ đầu tư phát triển: 40% trên tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối năm 2025	1.131.399
- Quỹ khen thưởng – phúc lợi người lao động: 5% trên tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối năm 2025	141.425
- Quỹ hoạt động của HĐQT	31.694
- Quỹ khen thưởng HĐQT, lãnh đạo chủ chốt	50.000
2. Chia cổ tức năm 2025: tỷ lệ 20%/mệnh giá	852.873
- Đã tạm ứng đợt 1 năm 2025 (10%/mệnh giá)	341.149
- Dự kiến sẽ chi cổ tức các đợt còn lại năm 2025 (10%/mệnh giá)	511.724
3. Lợi nhuận còn lại sau phân phối năm 2025	621.106
III. LỢI NHUẬN CÒN LẠI CHƯA PHÂN PHỐI	2.203.577
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối các năm	1.582.471
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2025	621.106

2. 2. Giao cho Hội đồng quản trị (“HĐQT”) ban hành Nghị quyết có liên quan đến việc triển khai thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông trong năm 2026 và các tài liệu khác có liên quan, thực hiện thủ tục hành chính, pháp lý đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 3: THÔNG QUA BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và các Phụ lục kèm theo bao gồm:

- Phụ lục 1: Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025.
- Phụ lục 2: Báo cáo của Ông Nguyễn Tuấn Hải – Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT.
- Phụ lục 3: Báo cáo của Ông Lê Quang Phúc – Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT.
- Phụ lục 4: Báo cáo của Bà Tiêu Yến Trinh – Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT.

ĐIỀU 4: THÔNG QUA BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2025

ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT trong Ủy ban Kiểm toán năm 2025.

ĐIỀU 5: THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính của Công ty năm 2025 (riêng và hợp nhất) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam) (đã được công bố thông tin trên website của Công ty tại đường dẫn <https://www.pnj.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/> vào ngày 18 tháng 03 năm 2026).

ĐIỀU 6: THÔNG QUA KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026 CỦA CÔNG TY

6.1. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026

ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty:

- Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2026 (hợp nhất), cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tăng trưởng (%)
Doanh thu	35.410.590	48.660.134	+37%
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.683.848	9.485.663	+23%
Lợi nhuận trước thuế	3.547.839	4.270.967	+20%
Lợi nhuận sau thuế	2.828.497	3.408.995	+21%
Tỷ lệ chi trả cổ tức tiền mặt	20%	20%	

- Chủ trương thành lập các doanh nghiệp mới thuộc hệ sinh thái PNJ trên cơ sở các dự án phát triển kinh doanh đã triển khai trong thời gian qua.
- Chọn lựa đơn vị phù hợp để tư vấn về cấu trúc Nhóm công ty theo hướng phát triển thành tập đoàn, gia tăng giá trị tổng thể cho cổ đông, tăng tính hấp dẫn đối với nhà đầu tư.
- Chủ trương thực hiện phương án mua lại cổ phiếu của Công ty nhằm bảo vệ lợi ích của cổ đông vào thời điểm phù hợp nhằm tối ưu hóa lợi ích cổ đông và nâng cao giá trị doanh nghiệp dài hạn.

6.2. Thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2027 dựa trên kết quả lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2026

6.2.1. Mục đích phát hành:

Phát hành ESOP năm 2027 cho người lao động của Công ty và các công ty con nhằm ghi nhận đóng góp của người lao động cho Công ty và các công ty con trong năm 2026.

6.2.2. Nguyên tắc phát hành:

Tỷ lệ phát hành tối đa là 1% trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành.

Với điều kiện tỷ lệ tăng trưởng tổng lợi nhuận cổ đông PNJ (%PNJ TSR) cao hơn hoặc bằng 5% so với tỷ lệ tăng trưởng của chỉ số VNIndex (% VNIndex return), tỷ lệ phát hành theo từng mức đạt lợi nhuận được tính trong bảng dưới đây.

	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") thực hiện năm 2026	Tỷ lệ phát hành ESOP
A	LNST 2026 < 85% Kế hoạch LNST 2026	0%
B	85% Kế hoạch LNST 2026 ≤ LNST 2026 < 100% Kế hoạch LNST 2026	0,35%
C	LNST 2026 = 100% Kế hoạch LNST 2026	0,7%
D	100% Kế hoạch LNST 2026 < LNST 2026 ≤ 110% Kế hoạch LNST 2026	Bắt đầu với mức 0,7% nếu vượt 100% kế hoạch LNST 2026, cứ 1% LNST 2026 vượt mức 100% kế hoạch LNST 2026 thì tỷ lệ phát hành ESOP được cộng thêm 0,01%. Cụ thể, công thức tính tỷ lệ phát hành là: Tỷ lệ phát hành ESOP = 0,7% + (%Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch LNST 2026-100%) * 0,01
E	LNST 2026 > 110% Kế hoạch LNST 2026	Nếu vượt mốc 110% kế hoạch LNST 2026, cứ 1% LNST 2026 vượt mức 100% kế hoạch LNST 2026 thì tỷ lệ phát hành ESOP được cộng thêm 0,015%. Cụ thể, công thức tính tỷ lệ phát hành là: Tỷ lệ phát hành ESOP = 0,7% + (%Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch LNST 2026-100%) * 0,015 Giới hạn tỷ lệ phát hành tối đa: không quá 1% trong mọi trường hợp.

Điều chỉnh giảm còn 80% của tỷ lệ phát hành ESOP tương ứng với các mốc đạt LNST nêu trên, nếu tỷ lệ tăng trưởng tổng lợi nhuận cổ đông PNJ (%PNJ TSR) không đạt hiệu suất tốt hơn +5% so với tỷ lệ tăng trưởng của chỉ số VNIndex (% VNIndex return).

Để làm rõ cách tính tỷ lệ phát hành, tham khảo ví dụ minh họa tỷ lệ phát hành theo từng mức đạt LNST 2026 như sau:

	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch LNST 2026	Tỷ lệ phát hành ESOP trường hợp %PNJ TSR - %VNIndex return >= 5%	Tỷ lệ phát hành ESOP trường hợp %PNJ TSR - %VNIndex return < 5%
Ví dụ A	Đạt từ 85% kế hoạch LNST 2026 (nhưng thấp hơn 100% kế hoạch)	Tỷ lệ phát hành ESOP: 0,35%	0,280%
Ví dụ B	Đạt 100% kế hoạch LNST 2026	Tỷ lệ phát hành ESOP: 0,700%	0,560%
Ví dụ C	Đạt 105% kế hoạch LNST 2026	%ESOP = 0,7% + (105% - 100%) * 0,01 = 0,750% -> Tỷ lệ phát hành ESOP: 0,750%	0,600%
Ví dụ D	Đạt 111% kế hoạch LNST 2026	%ESOP = 0,7% + (111% - 100%) * 0,015 = 0,865% -> Tỷ lệ phát hành ESOP: 0,865%	0,692%
Ví dụ E	Đạt 120% kế hoạch LNST 2026	%ESOP = 0,7% + (120% - 100%) * 0,015 = 1,000% -> Tỷ lệ phát hành ESOP: 1,000%	0,800%
Ví dụ F	Đạt 121% kế hoạch LNST 2026	%ESOP = 0,7% + (121% - 100%) * 0,015 = 1,015% -> Tỷ lệ phát hành ESOP: 1,000%	0,800%

Trong đó:

$$PNJ\ TSR = \frac{(\text{giá cổ phiếu PNJ cuối năm} - \text{giá cổ phiếu PNJ đầu năm} + \text{cổ tức tiền mặt}^*)}{\text{Giá cổ phiếu PNJ đầu năm}}$$

- * Trong trường hợp chia tách cổ phiếu, Giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo quy định.
- * Cổ tức tiền mặt = Tỷ lệ cổ tức * Mệnh giá
- * Giá cổ phiếu cuối năm: giá cổ phiếu trung bình tháng 12 năm 2026
- * Giá cổ phiếu đầu năm: giá cổ phiếu trung bình tháng 12 năm 2025

$$VN\ Index\ Return = \frac{\text{Chỉ số VNIndex cuối năm} - \text{Chỉ số VNIndex đầu năm}}{\text{Chỉ số VNIndex đầu năm}}$$

- * Chỉ số VNIndex cuối năm: chỉ số VNIndex trung bình tháng 12 năm 2026
- * Chỉ số VNIndex đầu năm: chỉ số VNIndex trung bình tháng 12 năm 2025

6.2.3. Số lượng phát hành:

Số lượng cổ phiếu ESOP phát hành = Tỷ lệ phát hành ESOP x Tổng số cổ phiếu đang lưu hành của PNJ tại thời điểm phát hành. Số lượng cổ phiếu ESOP phát hành thực tế ủy quyền cho HĐQT xác định theo nguyên tắc phát hành nêu trên.

6.2.4. Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

6.2.5. Giá phát hành: 20.000 đồng/cổ phiếu.

6.2.6. Đối tượng phát hành: Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Giám đốc, Cố vấn cao cấp,

Giám đốc, Cố vấn, Quản lý cao cấp, Chuyên gia cao cấp, Quản lý, Chuyên gia, Quản lý nhóm và nhân sự chủ chốt thuộc PNJ và các công ty con của PNJ đáp ứng các điều kiện theo đề xuất của HĐQT.

- 6.2.7. Tiêu chuẩn phát hành: Là người lao động của Công ty và các công ty con đang ký Hợp đồng lao động chính thức hoặc đang được Công ty bổ nhiệm giữ chức danh thành viên HĐQT, người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại các công ty con hoặc các trường hợp đặc cách theo quyết định của HĐQT. Giao cho HĐQT xây dựng tiêu chuẩn phát hành cụ thể và trình ĐHĐCĐ xem xét dựa trên một trong các yếu tố sau:
- Hiệu quả đóng góp vào Công ty;
 - Cấp bậc vị trí;
 - Mức độ gắn bó.
- 6.2.8. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: trong vòng 36 tháng kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (có nghĩa là: 30% số lượng cổ phiếu có quyền chuyển nhượng sau 12 tháng, 60% số lượng cổ phiếu có quyền chuyển nhượng sau 24 tháng và 100% số lượng cổ phiếu có quyền chuyển nhượng sau 36 tháng kể từ ngày kết thúc đợt phát hành).
- 6.2.9. Giao cho HĐQT: (i) xác định tỷ lệ phát hành cổ phiếu ESOP tương ứng theo nguyên tắc nêu trên căn cứ kết quả LNST thực hiện năm 2026 của Công ty, (ii) xây dựng phương án phát hành cụ thể và (iii) trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định việc phát hành cổ phiếu ESOP trong năm 2027 theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7: THÔNG QUA KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2026

ĐHĐCĐ thông qua các nội dung cụ thể như sau:

- 7.1. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận thực hiện sau thuế thu nhập doanh nghiệp (gọi tắt là lợi nhuận sau thuế) năm 2026 của Công ty như sau:

I. Trích lập các quỹ	
Quỹ đầu tư phát triển	Trích 40% trên tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2026.
Quỹ khen thưởng – phúc lợi người lao động	Trích 5% trên tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2026.
Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị	Trích 1,6% trên tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2026, mức tối thiểu không thấp hơn 45 tỷ đồng.
Quỹ khen thưởng HĐQT, lãnh đạo chủ chốt	<ul style="list-style-type: none"> Nếu lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2026 đạt mức kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2026 (<i>tương đương 3.409 tỷ đồng</i>) thì: Thưởng cho HĐQT và lãnh đạo chủ chốt 50 tỷ đồng. Nếu lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2026 vượt mức kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2026 thì: Thưởng bổ sung cho HĐQT và lãnh đạo chủ chốt 10% trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.
II. Chia cổ tức năm 2026	
	Dự kiến tỷ lệ 20%/mệnh giá

- 7.2. Giao cho HĐQT tổ chức triển khai thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2026 trong thời gian thực hiện năm 2026 và năm 2027; quyết định về tỷ lệ và thời gian thực hiện tạm ứng cổ tức căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nhưng không vượt quá mức cổ tức dự kiến cho năm 2026 đã được ĐHĐCĐ thông qua; đồng thời ban hành các Nghị quyết có liên quan đến việc triển khai thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2026 trong thời gian thực hiện năm 2026 và năm 2027 (bao gồm việc tạm ứng cổ tức dựa trên kết quả kinh doanh thực tế), các tài liệu khác có liên quan và thực hiện các thủ tục hành chính, pháp lý đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.
- 7.3. Giao cho HĐQT xây dựng và thực hiện kế hoạch ngân sách hoạt động của HĐQT trong năm 2026 phù hợp với mức trích Quỹ hoạt động của HĐQT theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 đã được ĐHĐCĐ thông qua; đồng thời cho phép HĐQT được tạm ứng từ Quỹ hoạt động của HĐQT trong năm tài chính 2026 để chi trả thù lao cho HĐQT và các chi phí hợp lý khác thuộc phạm vi hoạt động của HĐQT theo quy định của Công ty. Việc quyết toán Quỹ hoạt động của HĐQT năm 2026 sẽ được trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2027 xem xét, thông qua.

ĐIỀU 8: THÔNG QUA VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH 2026

ĐHĐCĐ thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính năm 2026 như sau:

- 8.1. Thông qua việc lựa chọn một trong bốn công ty kiểm toán trong danh sách dưới đây (bao gồm nhưng không giới hạn các chi nhánh của công ty kiểm toán) làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính năm 2026 của Công ty:
- a. Công ty TNHH PwC (Việt Nam);
 - b. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;
 - c. Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam;
 - d. Công ty TNHH KPMG
- 8.2. Giao cho HĐQT lựa chọn một trong bốn công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính năm 2026 của Công ty và quyết định mức phí kiểm toán.
- 8.3. Giao cho Người đại diện theo pháp luật ký kết hợp đồng kiểm toán với đơn vị kiểm toán được lựa chọn.

ĐIỀU 9: THÔNG QUA GIAO DỊCH/THỎA THUẬN/HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

ĐHĐCĐ thông qua giao dịch phát sinh trong quá trình hoạt động giữa Công ty với người có liên quan của Công ty ("Người có liên quan") chi tiết như sau:

- 9.1. Thông qua giao dịch/thỏa thuận/hợp đồng nguyên tắc giữa Công ty với Người có liên quan trong năm 2026 và năm 2027 (tới trước thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2027) theo thông tin chi tiết như sau:

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ với Công ty	Giấy CNĐKDN	Địa chỉ trụ sở chính	Nội dung chính
1.	Công ty TNHH Một Thành Viên Chế Tác và Kinh Doanh Trang Sức PNJ ("PNJP")	Công ty con (do PNJ sở hữu 100% vốn điều lệ)	0315018466 cấp ngày 28/04/2018 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)	Số 23 Đường số 14, Phường An Nhơn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	<p>a. Phạm vi phê duyệt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng mua bán hàng hóa; - Giao dịch/thỏa thuận mua bán hàng hóa. <p>b. Giá trị phê duyệt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị không quá: 30.000.000.000.000 đồng (<i>Bằng chữ: Ba mươi ngàn tỷ đồng</i>) (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). <p>c. Thời hạn hiệu lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua đến ngày 30/06/2027.

9.2. Giao cho HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc của Công ty quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của giao dịch/thỏa thuận/hợp đồng nguyên tắc, thực hiện ký kết và triển khai/điều chỉnh/chấm dứt thực hiện giao dịch đó nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và vì lợi ích của Công ty.

ĐIỀU 10: THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN CẬP NHẬT, THAY ĐỔI NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

ĐHĐCĐ thông qua các nội dung cụ thể như sau:

10. 1. Thông qua việc **CẬP NHẬT** các ngành nghề kinh doanh hiện hữu của Công ty nhằm bảo đảm đồng bộ với Hệ thống ngành nghề kinh tế mới theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg theo **Phụ lục 01: Danh mục các ngành nghề cập nhật** đính kèm Nghị quyết này.
10. 2. Thông qua việc **XÓA BỎ** các ngành nghề kinh doanh của Công ty vì không còn tồn tại trên Hệ thống ngành nghề kinh tế mới theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg theo **Phụ lục 02: Danh mục các ngành nghề xóa bỏ** đính kèm Nghị quyết này (*thay vào đó các ngành nghề bị xóa bỏ này sẽ được được đăng ký bổ sung mới tương ứng theo Khoản 10.3 bên dưới*);
10. 3. Thông qua việc **BỔ SUNG, THAY ĐỔI** các ngành nghề kinh doanh của Công ty để thay thế các ngành nghề bị xóa bỏ ở Khoản 10.2 và bảo đảm tương thích với Hệ thống ngành nghề kinh tế mới theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg theo **Phụ lục 03: Danh mục các ngành nghề bổ sung, thay đổi** đính kèm Nghị quyết này.
10. 4. Ngoài các nội dung cập nhật, điều chỉnh được nêu tại Khoản 10.1, Khoản 10.2 và Khoản 10.3 nêu trên, toàn bộ các ngành nghề kinh doanh hiện hữu còn lại của PNJ vẫn được giữ nguyên theo nội dung đã cấp phép và không thực hiện bất kỳ điều chỉnh, bổ sung thay đổi nào.

10. 5. Giao cho Người đại diện theo pháp luật Công ty có trách nhiệm tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết với Sở Tài Chính Tp. Hồ Chí Minh và các cơ quan ban ngành khác (nếu có) theo quy định, để cập nhật, thay đổi các ngành nghề kinh doanh nói trên của Công ty

ĐIỀU 11: THÔNG QUA VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG, QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

ĐHĐCĐ thông qua các nội dung cụ thể như sau:

11.1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT (“Các Văn Bản”) của Công ty như nội dung chi tiết dự thảo được đính kèm theo Tờ trình số 169/2026/TTr-HĐQT-CTY ký ngày 31/03/2026.

11.2. Giao cho Chủ tịch HĐQT ký và ban hành Các Văn Bản nêu trên căn cứ trên các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Tờ trình số 169/2026/TTr-HĐQT-CTY ký ngày 31/03/2026, bao gồm những điều chỉnh về lỗi chính tả, các thuật ngữ viết tắt và các viện dẫn điều khoản từ các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua. Các Văn Bản nêu trên có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

ĐIỀU 12: THÔNG QUA VIỆC KẾT THÚC NHIỆM KỲ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

ĐHĐCĐ thông qua việc kết thúc nhiệm kỳ của thành viên HĐQT như sau:

Họ và tên	Nhiệm kỳ	Chức vụ
Lê Quang Phúc	2021-2026	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

ĐIỀU 13: THÔNG QUA VIỆC TỪ NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

ĐHĐCĐ thông qua việc từ nhiệm của thành viên HĐQT như sau:

Họ và tên	Nhiệm kỳ	Chức vụ
Đặng Hải Anh	2023-2028	Thành viên Hội đồng quản trị

ĐIỀU 14: THÔNG QUA VIỆC BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2026 - 2031

ĐHĐCĐ thông qua việc bầu bổ sung hai (02) thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026 – 2031 với các nội dung cụ thể như sau:

14.1. Thông qua việc bầu bổ sung hai (02) thành viên HĐQT, trong đó bao gồm ít nhất một (01) thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031 tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty.

14.2. Thông qua kết quả bầu bổ sung hai (02) thành viên HĐQT, trong đó bao gồm ít nhất một (01) thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031 tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty, cụ thể như sau:

Thành viên trúng cử vào HĐQT:

- Ông Mai Hữu Tín – Thành viên độc lập HĐQT

- Ông Phan Quốc Công – Thành viên HĐQT

ĐIỀU 15: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

15.1. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

15.2. Triển khai thực hiện

- Giao HĐQT tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
- Đối với những nội dung mà ĐHĐCĐ giao quyền và/hoặc phân công cho HĐQT/Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc được thể hiện trong Nghị quyết này, HĐQT/Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện một cách hiệu quả, đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT của Công ty và thực hiện công bố thông tin đầy đủ theo quy định pháp luật. Việc giao quyền và/hoặc phân công của ĐHĐCĐ có hiệu lực cho đến khi HĐQT/Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc hoàn thành công việc hoặc ĐHĐCĐ ban hành Nghị quyết thay đổi.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



CAO THỊ NGỌC DUNG

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC CÁC NGÀNH NGHỀ CẬP NHẬT

(Đính kèm Nghị quyết ĐHĐCĐ số 245/2026/NQ-ĐHĐCĐ-CTY ngày 22/04/2026)

STT	NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CẬP NHẬT		NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH SAU KHI CẬP NHẬT		NỘI DUNG CẬP NHẬT
	Tên ngành, nghề	Mã ngành	Tên ngành, nghề	Mã ngành	
1	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ. Bán buôn bạc, kim loại quý, đá quý, đá bán quý. Mua bán vàng miếng.	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ. Bán buôn bạc, kim loại quý, đá quý, đá bán quý. Mua bán vàng miếng.	4672	Cập nhật mã ngành
2	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.	6492	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.	6495	Cập nhật mã ngành
3	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ va li, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác. Bán lẻ sản phẩm lót ly tách, khăn, bao hộp đựng giấy, bao vải, bao gối, khăn, giày, dép. Bán lẻ chăn, màn, đệm, rèm, ga trải giường, gối và bộ đồ giường khác, hàng may mặc, quần áo. Bán lẻ giày dép. Bán lẻ đồ da và giả da. Bán lẻ hàng du lịch đồ da và giả da. Bán lẻ trang phục khác như găng tay, khăn, bít tất, cà vạt, dây đeo quần	4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da Chi tiết: Bán lẻ va li, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác. Bán lẻ sản phẩm lót ly tách, khăn, bao hộp đựng giấy, bao vải, bao gối, khăn, giày, dép. Bán lẻ chăn, màn, đệm, rèm, ga trải giường, gối và bộ đồ giường khác, hàng may mặc, quần áo. Bán lẻ giày dép. Bán lẻ đồ da và giả da. Bán lẻ hàng du lịch đồ da và giả da. Bán lẻ trang phục khác như găng tay, khăn, bít tất, cà vạt, dây đeo quần	4771	Cập nhật tên ngành

STT	NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CẦN CẬP NHẬT		NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH SAU KHI CẬP NHẬT		NỘI DUNG CẬP NHẬT
	Tên ngành, nghề	Mã ngành	Tên ngành, nghề	Mã ngành	
4	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ. Bán lẻ bạc, kim loại quý, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức. - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ. Bán lẻ đồng hồ, kính mắt. Bán lẻ bạc, kim loại quý nguyên liệu. - Xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ. Mua bán vàng miếng.	4773 (Chính)	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: - Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ. Bán lẻ bạc, kim loại quý, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức. - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ. Bán lẻ đồng hồ, kính mắt. Bán lẻ bạc, kim loại quý nguyên liệu. - Xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ. Mua bán vàng miếng.	4773 (Chính)	Cập nhật tên ngành
5	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý Chi tiết: Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (trừ sản xuất vàng miếng)	2420	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu Chi tiết: Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (trừ sản xuất vàng miếng)	2420	Cập nhật tên ngành
6	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng)	1410	Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng)	1410	Cập nhật tên ngành
7	Sản xuất giày dép (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng)	1520	Sản xuất giày, dép (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng)	1520	Cập nhật tên ngành
8	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (không bao gồm lúa gạo, đường mía và đường củ cải)	4722	Bán lẻ thực phẩm (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (không bao gồm lúa gạo, đường mía và đường củ cải)	4722	Cập nhật tên ngành

STT	NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CẦN CẬP NHẬT		NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH SAU KHI CẬP NHẬT		NỘI DUNG CẬP NHẬT
	Tên ngành, nghề	Mã ngành	Tên ngành, nghề	Mã ngành	
9	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Đại lý đối ngoại tệ, dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ. Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí) Chi tiết: Đại lý đối ngoại tệ, dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ. Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	6499	Cập nhật tên ngành



PHỤ LỤC 02**DANH MỤC CÀC NGÀNH NGHỀ XÓA BỎ**

(Đính kèm Nghị quyết ĐHĐCĐ số 245/2026/NQ-ĐHĐCĐ-CTY ngày 22/04/2026)

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh xóa bỏ	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ. - Xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, hàng mỹ nghệ bằng vàng, bạc, các kim loại quý khác, kim cương, đá quý, đá bán quý, vàng miếng, vàng nguyên liệu dưới dạng lá, dây bột, khối, thỏi, hạt, miếng (không dùng để sản xuất vàng miếng). - Xuất khẩu, nhập khẩu đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan.	4669
2	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
3	Sản xuất thảm, chàn đệm (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng)	1323
4	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: Cắt tóc, làm đầu, gội đầu, chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây chảy máu)	9631
5	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật tại trụ sở) (trừ kinh doanh vũ trường, phòng trà ca nhạc và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	9000
6	Lập trình máy vi tính	6201
7	Giáo dục nghề nghiệp Dạy nghề	8532
8	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng)	1322
9	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
10	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
11	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
12	Cổng thông tin Chi tiết: Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử	6312

PHỤ LỤC 03**DANH MỤC CÁC NGÀNH NGHỀ BỔ SUNG, THAY ĐỔI**

(Đính kèm Nghị quyết ĐHĐCĐ số 245/2026/NQ-ĐHĐCĐ-CTY ngày 22/04/2026)

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ. - Xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, hàng mỹ nghệ bằng vàng, bạc, các kim loại quý khác, kim cương, đá quý, đá bán quý, vàng miếng, vàng nguyên liệu dưới dạng lá, dây bột, khối, thỏi, hạt, miếng (không dùng để sản xuất vàng miếng). - Xuất khẩu, nhập khẩu đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan.	4679
2	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
3	Sản xuất thảm, chăn, đệm (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng)	1393
4	Dịch vụ làm tóc Chi tiết: Cắt tóc, làm đầu, gội đầu (trừ dịch vụ gây chảy máu)	9621
5	Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp và các hoạt động làm đẹp khác	9622
6	Hoạt động sáng tạo nghệ thuật thị giác	9012
7	Hoạt động biểu diễn nghệ thuật	9020
8	Hoạt động hỗ trợ khác cho sáng tạo nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật	9039
9	Lập trình máy tính khác	6219
10	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Dạy nghề	8531
11	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng)	1392
12	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính	6220
13	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6290
14	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan	6310

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
15	Hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác Chi tiết: Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử	6390



PHỤ LỤC 04

**DANH MỤC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY
SAU KHI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, THAY ĐỔI**

(Đính kèm Nghị quyết ĐHĐCĐ số 245/2026/NQ-ĐHĐCĐ-CTY ngày 22/04/2026)

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Dịch vụ kiểm định kim cương và đá quý. Dịch vụ kiểm định vàng, bạc, kim loại quý khác, đá bán quý.
3211	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan Chi tiết: Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ. Gia công vàng trang sức, mỹ nghệ. Sản xuất đồ trang sức bằng kim loại quý hoặc kim loại cơ bản mạ kim loại quý hoặc đá quý hoặc đá nửa quý, hoặc kim loại quý tổng hợp và đá quý hoặc đá nửa quý hoặc các kim loại khác. Sản xuất các chi tiết bằng vàng bạc bằng kim loại quý hoặc kim loại cơ bản mạ kim loại quý như: đồ ăn, đồ dẹt, bát đĩa, ấm chén, các chi tiết vệ sinh, các chi tiết trong văn phòng, các chi tiết sử dụng trong tôn giáo. Sản xuất các chi tiết kỹ thuật hoặc thí nghiệm bằng kim loại quý (trừ dụng cụ hoặc các phần tương tự): nồi nấu kim loại, bàn xẻng, thử cực dương của kim loại; đồng hồ bằng kim loại quý; cổ tay áo, dây đồng hồ, hộp thuốc lá.
4672	Bán huôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua hán vàng trang sức, mỹ nghệ. Bán huôn hạc, kim loại quý, đá quý, đá bán quý. Mua bán vàng miếng.
8531	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Dạy nghề
6495	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.
4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da Chi tiết: Bán lẻ va li, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác. Bán lẻ sản phẩm lót ly tách, khăn, hao hộp đựng giấy, hao vải, hao gối, khăn, giày, dép. Bán lẻ chăn, màn, đệm, rèm, ga trải giường, gối và bộ đồ giường khác, hàng may mặc, quần áo. Bán lẻ giày dép. Bán lẻ đồ da và giả da. Bán lẻ hàng du lịch đồ da và giả da. Bán lẻ trang phục khác như găng tay, khăn, bút tất, cà vạt, dây đeo quần
9621	Dịch vụ làm tóc Chi tiết: Cắt tóc, làm đầu, gội đầu (trừ dịch vụ gây chảy máu)
9622	Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp và các hoạt động làm đẹp khác
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
	Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng, rượu bia, nước giải khát và các dịch vụ ăn uống.
6810	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).</p>
3212	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan
4649	<p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết: Bán buôn đồ trang sức thành phẩm bằng vàng, bạc, và kim loại quý (không bao gồm tiền kim loại). Bán buôn va li, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác. Bán buôn đồng hồ, kính mắt. Bán buôn đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan. Bán buôn hàng du lịch bằng da, giả da và bằng các chất liệu khác. Bán buôn phụ kiện thời trang. Bán buôn bưu thiếp và các ấn phẩm khác (không bao gồm các loại sách in, sách gấp, sách mỏng và các ấn phẩm tương tự, dạng tờ đơn hoặc không phải dạng tờ đơn; báo, tạp chí chuyên ngành và các xuất bản phẩm định kỳ, có hoặc không có minh họa tranh ảnh hoặc chứa nội dung quảng cáo và sách, tranh ảnh, sách vẽ hoặc sách tô màu cho trẻ em). Bán buôn xà bông, nến, tinh dầu, sản phẩm từ quế, sản phẩm từ sừng (trừ sản phẩm từ động vật quý, hiếm), sản phẩm điêu khắc.</p>
4773 (Chính)	<p>Bán lẻ hàng bóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua hán vàng trang sức, mỹ nghệ. Bán lẻ bạc, kim loại quý, đá quý và đá hán quý, đồ trang sức. - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ. Bán lẻ đồng hồ, kính mắt. Bán lẻ bạc, kim loại quý nguyên liệu. - Xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ. Mua hán vàng miếng.
4679	<p>Bán huôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ. - Xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, hàng mỹ nghệ bằng vàng, hạc, các kim loại quý khác, kim cương, đá quý, đá hán quý, vàng miếng, vàng nguyên liệu dưới dạng lá, dây hột, khối, thỏi, hạt, miếng (không dùng để sản xuất vàng miếng). - Xuất khẩu, nhập khẩu đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan.

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
2420	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu Chi tiết: Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (trừ sản xuất vàng miếng)
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công vàng, bạc, đá quý, đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan.
4641	Bán huôn vải, bàn may mặc, giày dép
9012	Hoạt động sáng tạo nghệ thuật thị giác
9020	Hoạt động biểu diễn nghệ thuật
9039	Hoạt động hỗ trợ khác cho sáng tạo nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật
1410	Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng)
1392	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng)
1393	Sản xuất thảm, chăn, đệm (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng)
1512	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng)
1520	Sản xuất giày, dép (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng)
4722	Bán lẻ thực phẩm (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (không bao gồm lúa gạo, đường mía và đường củ cải)
4632	Bán buôn thực phẩm (Không hoạt động tại trụ sở) (không bao gồm lúa gạo, đường mía và đường củ cải)
1709	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Trừ tái chế phế thải tại trụ sở)

21758
TỶ
HÂN
ĐÁ QU
HUÂN
HỒ CHÍ

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử.
6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí) Chi tiết: Đại lý đối ngoại tệ, dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ. Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
6622	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm.
6219	Lập trình máy tính khác
6220	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính
6290	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm
6310	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan
6390	Hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác Chi tiết: Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử
	Và các ngành, nghề khác mà pháp luật không cấm.
	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

RESOLUTION
ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS - 2026
PHU NHUAN JEWELRY JOINT STOCK COMPANY

- Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17th, 2020 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, amended and supplemented in 2022, 2025 and its guiding documents;
- Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 ratified by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26th, 2019 and its amending and supplementing documents (if any);
- Pursuant to the Charter on organization and operation of Phu Nuan Jewelry Joint Stock Company ("Company"/"PNJ") dated February 11th, 2026 ("Charter");
- Pursuant to the Meeting Minutes of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders No. 244/2026/BBH-DHDCD-CTY dated April 22nd, 2026.

RESOLVED

ARTICLE 1: APPROVAL OF THE REPORT ON THE BUSINESS PERFORMANCE IN 2025

The General Meeting of Shareholders ("GMS") approves the Report on the Company's business performance results in 2025 with the following specific business targets for 2025:

Unit: million VND

Target	2024	2025	% Growth	% Achievement 2025 plan
Revenue	38,232,401	35,410,590	-7.4%	112.0%
Gross profit from sales of goods and rendering of service	6,673,503	7,683,848	+15.1%	
Net operating profit	2,652,129	3,519,885	+32.7%	
Other profits	(1,117)	27,955		
Profit before tax	2,651,012	3,547,839	+33.8%	
Net profit after tax	2,112,916	2,828,497	+33.9%	144.3%
Cash dividend payout ratio	20%	20%		

ARTICLE 2: APPROVAL OF THE PLAN FOR DISTRIBUTING PROFITS, APPROPRIATION OF FUNDS IN 2025

The GMS approves the specific matters as follows:

2. 1. Approval of the plan for distributing realized profit after corporate income tax (referred to as profit after tax) and appropriation of funds in 2025 of the Company as follows:

Unit: million VND

I. BUSINESS RESULTS IN 2025 (CONSOLIDATED)	Amount
- Profit before tax 2025	3,547,839
- Current corporate income tax expense	849,657
- Deferred income tax expense	(130,315)
- Profit after tax	2,828,497
II. TOTAL PROFIT AFTER TAX DISTRIBUTED	2,828,497
- Profit after tax in 2025 is distributed	2,828,497
1. Appropriation of funds	1,354,518
- Development investment fund – 40% of total after-tax profit distributed in 2025	1,131,399
- Employee bonus and welfare fund – 5% of total after-tax profit distributed in 2025	141,425
- Operating fund of the BOD	31,694
- Bonus fund of the BOD, key management personnel	50,000
2. Dividend distribution in 2025: 20% of par value	852,873
- First interim dividend paid in 2025 (10%/par value)	341,149
- Expected remaining dividend payouts for 2025 (10%/par value)	511,724
3. Remaining profit after distribution in 2025	621,106
III. REMAINING UNDISTRIBUTED PROFITS	2,203,577
Undistributed profits of previous years	1,582,471
Undistributed remaining profit in 2025	621,106

2. 2. Assignment to the Board of Directors (“BOD”) to issue relevant Resolutions regarding the implementation of dividend payments to shareholders in 2026 and other related documents, and to carry out administrative and legal procedures to ensure compliance with the applicable laws.

ARTICLE 3: APPROVAL OF THE REPORT ON ACTIVITIES OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2025

The GMS approves the Report on activities of the Board of Directors in 2025 and the attached Appendices, including:

- Appendix 1: Report on implementation of the Resolution of the 2025 GMS.
- Appendix 2: Report of Mr. Nguyen Tuan Hai - Independent member of the BOD on the activities of the BOD.
- Appendix 3: Report of Mr. Le Quang Phuc - Independent member of the BOD on the activities of the BOD.
- Appendix 4: Report of Ms. Tieu Yen Trinh - Independent member of the BOD on the activities of the BOD.

ARTICLE 4: APPROVAL OF THE REPORT ON ACTIVITIES OF INDEPENDENT MEMBERS OF THE BOD IN THE AUDIT COMMITTEE IN 2025

The GMS approves the Report on activities of Independent members of the BOD in the Audit Committee in 2025.

ARTICLE 5: APPROVAL OF THE 2025 AUDITED FINANCIAL STATEMENTS

The GMS approves the Financial Statements in 2025 of the Company (separate and consolidated) audited by PwC (Vietnam) Limited (which were disclosed on the Company's website at the link <https://www.pnj.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/> on March 18th, 2026).

ARTICLE 6: APPROVAL OF THE BUSINESS PLAN OF THE COMPANY IN 2026

6.1. Approval of the business plan in 2026

The GMS approves the business plan in 2026 of the Company:

- The business targets (consolidated) for 2026 are as follows:

Unit: million VND

TARGET	Actual 2025	Plan 2026	Growth (%)
Revenue	35,410,590	48,660,134	+37%
Gross profit from sales of goods and rendering of service	7,683,848	9,485,663	+23%

TARGET	Actual 2025	Plan 2026	Growth (%)
Profit before tax	3,547,839	4,270,967	+20%
Profit after tax	2,828,497	3,408,995	+21%
Cash dividend payout ratio	20%	20%	

- Policy on establishing new enterprises within the PNJ ecosystem based on the business development projects deployed in the past period.
- Using restructuring consulting services to design the corporate governance model and the company group structure towards developing into a corporation, increasing overall value for shareholders, and enhancing attractiveness to investors.
- Policy on implementing the plan to repurchase the Company's shares to protect shareholder interests at an appropriate time to optimize shareholder interests and enhance long-term enterprise value.

6.2. Approval of the policy on issuing shares under the Employee Stock Option Program (ESOP) in 2027 based on the profit after tax realized in 2026

6.2.1. Purpose of issuance:

To issue ESOP in 2027 to employees of the Company and its subsidiaries to recognize the contributions of employees to the Company and its subsidiaries in 2026.

6.2.2. Issuance principles:

The maximum issuance rate is 1% of the total outstanding shares at the time of issuance.

Provided that PNJ's Total Shareholder Return (%PNJ TSR) is equal to or higher than the VNIndex return (%VNIndex return) by at least 5%, the issuance rate based on each level of profit achievement is calculated in the table below.

	Net profit after tax ("NPAT") realized in 2026	ESOP issuance rate
A	2026 NPAT < 85% of 2026 NPAT plan	0%
B	85% of 2026 NPAT plan ≤ 2026 NPAT < 100% of 2026 NPAT plan	0.35 %
C	2026 NPAT = 100% of 2026 NPAT plan	0.7 %
D	100% of 2026 NPAT plan < 2026 NPAT ≤ 110% of 2026 NPAT plan	Starting at 0.7% if exceeding 100% of 2026 NPAT plan, for every 1% of 2026 NPAT exceeding the 100% target of the 2026 NPAT plan, the ESOP issuance rate will be increased by an additional 0.01%. Specifically, the formula for calculating the issuance rate is: ESOP issuance rate = 0.7% + (% completion rate of 2026 NPAT plan - 100%) * 0.01
E	2026 NPAT > 110% of 2026 NPAT plan	If exceeding 110% of the 2026 NPAT plan, for every 1% of 2026 NPAT exceeding the 100% target of 2026 NPAT plan, the ESOP issuance rate will be

	Net profit after tax ("NPAT") realized in 2026	ESOP issuance rate
		increased by an additional 0.015%. Specifically, the formula for calculating the issuance rate is: ESOP issuance rate = 0.7% + (% completion rate of 2026 NPAT plan - 100%) * 0.015 Maximum issuance rate limit: not exceeding 1% in any case.

Adjusting downward to 80% of the ESOP issuance rate corresponding to the aforementioned PAT achievement levels, if PNJ's Total Shareholder Return (% PNJ TSR) does not outperform the VNIndex return (% VNIndex return) by at least +5%.

To clarify the calculation method for the issuance rate, please refer to the illustrative examples of the issuance rate corresponding to each level of PAT 2026 achievement as follows:

	2026 NPAT completion rate	ESOP issuance rate in case %PNJ TSR - %VNIndex return >= 5%	ESOP issuance rate in case %PNJ TSR - %VNIndex return < 5%
Example A	Achieving from 85% of 2026 NPAT plan (but lower than 100% of plan)	ESOP issuance rate: 0.35%	0.280%
Example B	Achieving 100% of 2026 NPAT plan	ESOP issuance rate: 0.700%	0.560%
Example C	Achieving 105% of 2026 NPAT plan	%ESOP = 0.7% + (105% - 100%) * 0.01 = 0.750% -> ESOP issuance rate: 0.750%	0.600%
Example D	Achieving 111% of 2026 NPAT plan	%ESOP = 0.7% + (111% - 100%) * 0.015 = 0.865% -> ESOP issuance rate: 0.865%	0.692%
Example E	Achieving 120% of 2026 NPAT plan	%ESOP = 0.7% + (120% - 100%) * 0.015 = 1.000% -> ESOP issuance rate: 1.000%	0.800%
Example F	Achieving 121% of 2026 NPAT plan	%ESOP = 0.7% + (121% - 100%) * 0.015 = 1.015% -> ESOP issuance rate: 1.000%	0.800%

In which:

$$PNJ\ TSR = \frac{(\text{Closing PNJ share price} - \text{Opening PNJ share price} + \text{cash dividend}^*)}{\text{Opening PNJ share price}}$$

* In the event of a stock split, the Share price will be adjusted in accordance with regulations.

* Cash dividend = Dividend rate * Par value

* Closing share price: average share price in December 2026

* Opening share price: average share price in December 2025

$$VNIndex\ Return = \frac{\text{Closing VNIndex} - \text{Opening VNIndex}}{\text{Opening VNIndex}}$$

* Closing VNIndex: average VNIndex in December 2026

* Opening VNIndex: average VNIndex in December 2025

6.2.3. Issuance quantity:

ESOP shares to be issued = ESOP Issuance rate x Total outstanding shares of PNJ at the time of issuance. The actual number of ESOP shares issued is authorized to the BOD to determine according to the issuance principles mentioned above.

6.2.4. Par value: VND 10,000/share.

6.2.5. Issuance price: VND 20,000/share.

6.2.6. Issuance recipients: Members of the BOD, Members of the Executive Board, Senior Advisors, Directors, Advisors, Senior Managers, Senior Experts, Managers, Experts, Team Leaders, and key personnel of PNJ and its subsidiaries who meet the conditions proposed by the BOD.

6.2.7. Issuance criteria: Employees of the Company, subsidiaries, affiliated companies who are under official Labor contracts or who have been appointed by the Company to hold positions as members of the BOD or authorized representatives of the Company in subsidiaries and affiliates or special cases according to the decision of the BOD. Assignment to the BOD to develop specific issuance criteria and submit them to the GMS for consideration based on one of the following factors:

- a) Contribution effectiveness to the Company;
- b) Position level;
- c) Level of commitment.

6.2.8. Transfer restriction period : within 36 months from the completion date of the issuance tranche (meaning: 30% of the shares will be freely transferable after 12 months, 60% of the shares will be freely transferable after 24 months, and 100% of the shares will be freely transferable after 36 months from the completion date of the issuance tranche).

6.2.9. Assignment to the BOD: (i) to determine the issuance rate of ESOP shares in accordance with the principles stated above based on the NPAT realized in 2026 of the Company, (ii) to develop a specific issuance plan, and (iii) to submit it to the GMS for consideration and decision on the issuance of ESOP shares in 2027 in accordance with the applicable laws.

ARTICLE 7: APPROVAL OF THE PROFIT DISTRIBUTION PLAN IN 2026

The GMS approves the specific contents as follows:

7.1. Approval of the distribution plan for realized profit after corporate income tax (referred to as profit after tax) in 2026 of the Company as follows:

I. Appropriation of funds	
Development investment fund	Appropriation of 40% of total undistributed profit after tax in 2026.
Employee bonus and welfare fund	Appropriation of 5% of total undistributed profit after tax in 2026.
Operating fund of the BOD	Appropriation of 1.6% of total undistributed profit after tax in 2026, with a minimum of no less than 45 billion VND.
Bonus fund of the BOD, key management personnel	<ul style="list-style-type: none">- If the realized profit after tax in 2026 reaches the planned profit after tax for 2026 (<i>equivalent to 3,409 billion VND</i>), bonus fund of the BOD, key management personnel is 50 billion VND.- If the realized profit after tax in 2026 exceeds the planned profit after tax for 2026: An additional bonus for the BOD and management personnel of 10% on the excess amount over the planned profit after tax.
II. Dividend distribution in 2026	Expected rate of 20%/par value

7.2. Assignment to the BOD to organize and implement the dividend payments to shareholders for 2026 during 2026 and 2027; to decide the ratio and timing for interim dividend payments based on the Company's business results, but not exceeding the expected dividend rate for 2026 approved by the GMS; and simultaneously to issue relevant Resolutions regarding the implementation of dividend payments to shareholders for 2026 during 2026 and 2027 (including interim dividend payments based on actual business results), other related documents, and to carry out administrative and legal procedures to ensure compliance with the applicable laws.

7.3. Assignment to the BOD to develop and implement the BOD's operating budget plan for 2026 in accordance with appropriation level of the BOD's operating fund under the 2026 profit distribution plan approved by the GMS; and simultaneously to allow the BOD to obtain advances from the BOD's operating fund during the financial year 2026 to pay remuneration to the BOD and other reasonable expenses within the scope of the BOD's activities in accordance with the Company's regulations. The settlement of the BOD's operating fund for 2026 will be submitted to the Annual GMS in 2027 for consideration and approval.

ARTICLE 8: APPROVAL OF THE SELECTION OF THE AUDIT FIRM FOR THE FINANCIAL YEAR 2026

The GMS approves the selection of the audit firm for the financial year 2026 as follows:

8. 1. Approval of selecting one of the four audit firms from the list below (including but not limited to the branches of the audit firms) to be the audit firm for the financial year 2026 of the Company:
 - a. PwC (Vietnam) Limited;
 - b. Deloitte Vietnam Audit Company Limited;
 - c. ERNST & YOUNG Vietnam Company Limited;
 - d. KPMG Company Limited
8. 2. Assignment to the BOD to select one of the four audit firms from the above list to be the audit firm for the financial year 2026 of the Company and to decide the audit fee.
8. 3. Assignment to the Legal Representative to sign the audit contract with the selected audit firm.

ARTICLE 9: APPROVAL OF THE TRANSACTIONS/AGREEMENTS/PRINCIPAL CONTRACTS BETWEEN THE COMPANY AND RELATED PERSONS

The GMS approves the transactions arising during the business operation between the Company and its related persons ("Related persons") in detail as follows:

- 9.1. Approval of the transactions/agreements/principal contracts between the Company and Related persons in the year 2026 and 2027 (up to the time of holding the 2027 Annual GMS) in accordance with the detailed information as follows:

No.	Related person	Relationship with the Company	ERC No.	Head office address	Main content
1.	PNJ Jewelry Production and Trading Company Limited ("PNJP")	Subsidiary (100% of charter capital owned by PNJ)	0315018466 issued on April 28th, 2018 by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City (currently the Department of Finance of Ho Chi Minh City)	No. 23, Street 14, An Nhon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	<ol style="list-style-type: none">a. Scope of approval<ul style="list-style-type: none">- Goods purchase and sale contracts;- Transactions/ agreement on Goods purchase and saleb. Approved value<ul style="list-style-type: none">- Value not exceeding: 30,000,000,000,000 VND (<i>In words: Thirty trillion Vietnamese Dong</i>) (excluding value added tax).c. Effective term<ul style="list-style-type: none">- From the date of approval by the GMS until June 30th, 2027.

- 9.2. Assignment to the BOD and/or the Chief Executive Officer of the Company to decide on the specific terms and conditions of the transactions/agreements/principal contracts, to execute the signing and implementation/adjustment/termination of such transactions to ensure compliance with the applicable laws and for the interests of the Company.

ARTICLE 10: APPROVAL OF MATTERS RELATED TO UPDATING AND CHANGING THE BUSINESS LINES OF THE COMPANY

The GMS approves the specific contents as follows:

10. 1. Approval of **UPDATING** the Company's existing business lines to ensure synchronization with the new economic sector system in accordance with Decision No. 36/2025/QD-TTg as per **Appendix 01: List of updated business lines** attached to this Resolution.
10. 2. Approval of **REMOVING** the Company's business lines that no longer exist in the new economic sector system in accordance with Decision No. 36/2025/QD-TTg as per **Appendix 02: List of removed business lines** attached to this Resolution (*instead, these removed business lines will be newly registered correspondingly as per Clause 10.3 below*);
10. 3. Approval of **ADDING** and **CHANGING** the Company's business lines to replace the removed business lines in Clause 10.2 and to ensure compatibility with the new economic sector system in accordance with Decision No. 36/2025/QD-TTg as per **Appendix 03: List of added and changed business lines** attached to this Resolution.
10. 4. In addition to the updated and adjusted contents mentioned in Clause 10.1, Clause 10.2, and Clause 10.3 above, all remaining existing business lines of PNJ shall be kept unchanged as per the licensed contents and shall not be subject to any adjustments, additions, or changes.
10. 5. Assignment to the Legal Representative of the Company to carry out the necessary legal procedures with the Department of Finance of Ho Chi Minh City and other relevant authorities (if any) in accordance with the applicable laws, to update and change the aforementioned business lines of the Company.

ARTICLE 11: APPROVAL OF AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE CHARTER ON ORGANIZATION AND OPERATION, INTERNAL REGULATION ON CORPORATE GOVERNANCE, REGULATION ON OPERATION OF THE BOD

The GMS approves the specific contents as follows:

- 11.1. Approval of the amendments and supplements to the Charter on organization and operation, the Internal Regulation on corporate governance, and the Regulation on operation of the BOD ("Documents") of the Company as detailed in the draft attached to Proposal No. 169/2026/TTr-HDQT-CTY dated March 31st, 2026.

11.2. Assignment to the Chairperson of the BOD to sign and promulgate the aforementioned Documents based on the contents approved by the GMS as per proposal No. 169/2026/TTr-HDQT-CTY dated March 31st, 2026, including corrections of spelling errors, abbreviations, and cross-references from the contents approved by the GMS. The aforementioned Documents shall take effect from the date of signing.

ARTICLE 12: APPROVAL OF THE END OF THE TERM FOR THE MEMBER OF THE BOD

The GMS approves the end of the term for the BOD member as follows:

Full name	Term	Position
Le Quang Phuc	2021-2026	Independent Member of the Board of Directors

ARTICLE 13: APPROVAL OF THE RESIGNATION OF THE MEMBER OF THE BOD

The GMS approves the resignation of the BOD member as follows:

Full name	Term	Position
Dang Hai Anh	2023-2028	Member of the Board of Directors

ARTICLE 14: APPROVAL OF THE ADDITIONAL ELECTION OF BOD MEMBERS FOR THE 2026 - 2031 TERM

The GMS approves the additional election of two (02) BOD members for the 2026 – 2031 term with the specific contents as follows:

14. 1. Approval of the additional election of two (02) members of the BOD, including at least one (01) Independent Member of the BOD for the 2026 - 2031 term at the 2026 Annual GMS of the Company.
14. 2. Approval of the election results of two (02) additional members of the BOD, including at least one (01) Independent Member of the BOD for the 2026 - 2031 term at the 2026 Annual GMS of the Company, specifically as follows:

Elected members to the BOD:

- Mr. Mai Huu Tin - Independent Member of the BOD
- Mr. Phan Quoc Cong - Member of the BOD

ARTICLE 15: IMPLEMENTATION PROVISIONS

15.1. Effectiveness

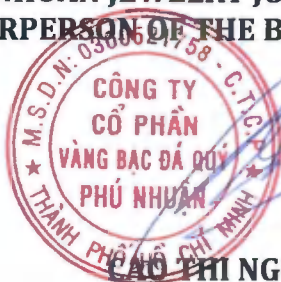
This Resolution takes effect from the date of signing.

15.2. Implementation

- Assignment to the BOD to implement this Resolution.

- For the matters where the GMS authorizes and/or assigns to the BOD/Chairperson of the BOD/Chief Executive Officer expressed in this Resolution, the BOD/Chairperson of the BOD/Chief Executive Officer is responsible for implementing them effectively, ensuring compliance with the applicable laws, the Charter on organization and operation, the Internal Regulation on corporate governance, the Regulation on operation of the BOD of the Company and carrying out full information disclosure in accordance with the applicable laws. The authorization and/or assignment of the GMS is valid until the BOD/Chairperson of the BOD/Chief Executive Officer completes the work or the GMS issues an amending Resolution.

**ON BEHALF OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
PHU NHUAN JEWELRY JOINT STOCK COMPANY
CHAIRPERSON OF THE BOARD OF DIRECTORS**



CAO THI NGOC DUNG

APPENDIX 01
LIST OF UPDATED BUSINESS LINES

(Attached to the GMS Resolution No. 245/2026/NQ-DHDCD-CTY dated April 22nd, 2026)

No.	BUSINESS LINES TO BE AMENDED		UPDATED BUSINESS LINES		UPDATE CONTENT
	Business lines	Code of business lines	Business lines	Code of business lines	
1	Wholesale of metals and metal ores Details: Trading in gold jewelry, fine arts. Wholesale of silver, precious metals, precious stones, semi-precious stones. Trading in gold bullion.	4662	Wholesale of metals and metal ores Details: Trading in gold jewelry, fine arts. Wholesale of silver, precious metals, precious stones, semi-precious stones. Trading in gold bullion.	4672	Updating business line code
2	Other credit services Details: Pawn service.	6492	Other credit services Details: Pawn service	6495	Updating business line code
3	Retail sale of clothing, footwear, leather and imitation leather goods in specialized stores Details: Retail of suitcases, briefcases, bags, wallets, and other leather and imitation leather goods. Retail of coasters, towels, paper box covers, cloth bags, pillow covers, towels, shoes, and sandals. Retail of blankets, curtains, mattresses, draperies, bed sheets, pillows, and other bedding, garments, and clothing. Retail of	4771	Retail sale of clothing, footwear, leather and imitation leather goods Details: Retail of suitcases, briefcases, bags, wallets, and other leather and imitation leather goods. Retail of coasters, towels, paper box covers, cloth bags, pillow covers, towels, shoes, and sandals. Retail of blankets, curtains, mattresses, draperies, bed sheets, pillows, and other	4771	Updating business line name

No.	BUSINESS LINES TO BE AMENDED		UPDATED BUSINESS LINES		UPDATE CONTENT
	Business lines	Code of business lines	Business lines	Code of business lines	
	footwear. Retail of leather and imitation leather goods. Retail of leather and imitation leather travel goods. Retails of other clothing items such as gloves, scarves, socks, ties, and suspenders.		bedding, garments, and clothing. Retail of footwear. Retail of leather and imitation leather goods. Retail of leather and imitation leather travel goods. Retails of other clothing items such as gloves, scarves, socks, ties, and suspenders.		
4	Retail sale of other new goods in specialized stores Details: - Trading in gold jewelry and fine arts. Retail of silver, precious metals, precious stones, semi-precious stones, and jewelry. - Retailing souvenirs, wickerwork, and handicrafts. Retail of watches and eyeglasses. Retail of silver and precious metals raw materials. - Export and import of gold jewelry and fine arts. Trading in gold bullion.	4773 (Main)	Retail sale of other new goods (except automobiles, motorcycles, mopeds and accessories therefore) Details: - Trading in gold jewelry and fine arts. Retail of silver, precious metals, precious stones, semi-precious stones, and jewelry. - Retailing souvenirs, wickerwork, and handicrafts. Retail of watches and eyeglasses. Retail of silver and precious metals raw materials. - Export and import of gold jewelry and	4773 (Main)	Updating business line name

No.	BUSINESS LINES TO BE AMENDED		UPDATED BUSINESS LINES		UPDATE CONTENT
	Business lines	Code of business lines	Business lines	Code of business lines	
			fine arts. Trading in gold bullion.		
5	Production of non-ferrous and precious metals Details: Production of non-ferrous metals and precious metals (except production of gold bullion).	2420	Production of non-ferrous and precious metals Details: Production of non-ferrous metals and precious metals (except production of gold bullion).	2420	Updating business line name
6	Sewing clothes (except fur clothes) (Except bleaching, dyeing, glazing, printing on textile, sewing, knitting products, and processing of used goods)	1410	Clothing production (except fur clothes) (Except bleaching, dyeing, glazing, printing on textile, sewing, knitting products, and processing of used goods)	1410	Updating business line name
7	Production of footwear (Except bleaching, dyeing, lacquering, printing on textile, sewing, knitting, leather products and processing of used goods)	1520	Production of footwear (Except bleaching, dyeing, lacquering, printing on textile, sewing, knitting, leather products and processing of used goods)	1520	Updating business line name
8	Retail sale of food in specialized stores (implemented in accordance with the Decision 64/2009/QĐ-UBND dated July 31st, 2009 and the Decision No. 79/2009/QĐ-UBND	4722	Retail sale of food (implemented in accordance with the Decision 64/2009/QĐ-UBND dated July 31st, 2009 and the Decision No. 79/2009/QĐ-UBND	4722	Updating business line name

No.	BUSINESS LINES TO BE AMENDED		UPDATED BUSINESS LINES		UPDATE CONTENT
	Business lines	Code of business lines	Business lines	Code of business lines	
	dated October 17th, 2009 of the People's Committee of Ho Chi Minh City on economic planning for agricultural and food business in Ho Chi Minh City) (excluding rice, cane sugar, and beet sugar)		dated October 17th, 2009 of the People's Committee of Ho Chi Minh City on economic planning for agricultural and food business in Ho Chi Minh City) (excluding rice, cane sugar, and beet sugar)		
9	Other financial service activities not elsewhere classified (except insurance and social insurance) Details: Foreign currency exchange agency, foreign currency receipt and payment services. Provision of payment intermediary services.	6499	Other financial service activities not elsewhere classified (except insurance and pension fund activities) Details: Foreign currency exchange agency, foreign currency receipt and payment services. Provision of payment intermediary services.	6499	Updating business line name

APPENDIX 02

LIST OF REMOVED BUSINESS LINES

(Attached to the GMS Resolution No. 245/2026/NQ-DHDCD-CTY dated April 22nd, 2026)

No.	Name of removed business line	Code of business lines
1	Other specialized wholesale not elsewhere classified Detail: - Wholesale of handicrafts. - Export and import of gold jewelry and handicrafts made of gold, silver, other precious metals, diamonds, precious stones, semi-precious stones, gold bullion, raw gold in the form of leaves, powdered wires, blocks, bars, beads, pieces (not used to produce gold bars). - Export and import of jewelry, imitation jewelry, and related parts.	4669
2	Wholesale of fabrics, ready-made garments, footwear	4641
3	Production of carpet and mattress (Except bleaching, dyeing, lacquering, printing on textile, sewing, knitting, leather products, and processing of used goods)	1323
4	Haircut, hair styling, and hair washing Details: Haircut, hair styling, hair washing, and facial care (except for services that cause bleeding)	9631
5	Creative, artistic, and entertainment activities (Except for organizing art performances at the head office; except for the operation of dance halls and music lounges; performances involving fire and explosion effects; the use of explosives, flammable substances, and chemicals as props and tools to perform art programs, events, and movies)	9000
6	Computer programming	6201
7	Vocational education Vocational training	8532
8	Production of ready-made garments (except apparel) (Except bleaching, dyeing, lacquering, printing on textile, sewing, knitting, leather products, and processing of used goods)	1322
9	Computer consulting and computer system administration	6202
10	Information technology services and other services related to computers Details: Troubleshoot computer problems and installation of software	6209
11	Data processing, leasing and related activities	6311

No.	Name of removed business line	Code of business lines
12	Portal Details: E-commerce trading platform services	6312



APPENDIX 03

LIST OF ADDED AND CHANGED BUSINESS LINES

(Attached to the GMS Resolution No. 245/2026/NQ-DHDCD-CTY dated April 22nd, 2026)

No.	Name of added and changed business line	Code of business lines
1	Other specialized wholesale not elsewhere classified Detail: - Wholesale of handicrafts. - Export and import of gold jewelry and handicrafts made of gold, silver, other precious metals, diamonds, precious stones, semi-precious stones, gold bullion, raw gold in the form of leaves, powdered wires, blocks, bars, beads, pieces (not used to produce gold bars). - Export and import of jewelry, imitation jewelry, and related parts.	4679
2	Wholesale of fabrics, garments, and footwear	4641
3	Production of carpet, blanket and mattress (Except bleaching, dyeing, lacquering, printing on textile, sewing, knitting, leather products, and processing of used goods)	1393
4	Hairdressing services Details: Haircut, hair styling, hair washing (except for services that cause bleeding)	9621
5	Beauty care services and other beauty-related activities	9622
6	Creative visual arts activities	9012
7	Performing arts activities	9020
8	Other support activities for creative arts and performing arts	9039
9	Other computer programming	6219
10	Primary-level training Details: Vocational training	8531
11	Production of ready-made textiles (except apparel) (Except bleaching, dyeing, lacquering, printing on textile, sewing, knitting, leather products, and processing of used goods)	1392
12	Computer consulting and computer infrastructure management	6220

No.	Name of added and changed business line	Code of business lines
13	Other information technology and computer service activities Details: Troubleshoot computer problems and installation of software.	6290
14	Computing infrastructure, data processing, hosting and related activities	6310
15	Web search portal activities and other information services Details: E-commerce trading floor services	6390

21.
:G T
PHÂN
C ĐA
NHU
HỒ

APPENDIX 04

LIST OF BUSINESS LINES OF THE COMPANY AFTER ADJUSTMENTS, ADDITIONS, AND CHANGES

(Attached to the GMS Resolution No. 245/2026/NQ-DHDCD-CTY dated April 22nd, 2026)

Code of business lines	Business lines
7120	<p>Technical testing and analysis</p> <p>Details: Diamond and gemstone appraisal services. Gold, silver, other precious metals, and semi-precious stones appraisal services.</p>
3211	<p>Production of jewelry and related parts</p> <p>Details: Production of gold jewelry and fine arts. Processing of gold jewelry and fine arts. Production of jewelry from precious metals or base metals plated with precious metals or precious or semi-precious stones, or synthetic precious metals and precious or semi-precious stones or other metals. Production of gold and silver parts from precious metals or base metals plated with precious metals, such as: dinnerware, flatware, dishes, teapots, sanitary parts, office parts, parts used in religious practices. Production of technical or experimental parts from precious metals (except tools or similar parts): metal crucibles, shovels, metal anode testers; watches from precious metals; cuffs, watch straps, cigarette cases.</p>
4672	<p>Wholesale of metals and metal ores</p> <p>Details: Trading in gold jewelry, fine arts; wholesale of silver, precious metals, precious stones, semi-precious stones. Trading in gold bullion.</p>
8531	<p>Primary-level training</p> <p>Details: Vocational training.</p>
6495	<p>Other credit services</p> <p>Details: Pawn service.</p>
4771	<p>Retail sale of clothing, footwear, leather and imitation leather goods</p>

Code of business lines	Business lines
	Details: Retail of suitcases, briefcases, bags, wallets, and other leather and imitation leather goods. Retail of coasters, towels, paper box covers, cloth bags, pillow covers, towels, shoes, and sandals. Retail of blankets, curtains, mattresses, draperies, bed sheets, pillows, and other bedding, garments, and clothing. Retail of footwear. Retail of leather and imitation leather goods. Retail of leather and imitation leather travel goods. Retail of other clothing items such as gloves, scarves, socks, ties, and suspenders
9621	Hairdressing services Details: Haircut, hair styling, hair washing, and (except for services that cause bleeding).
9622	Beauty care services and other beauty-related activities
5610	Restaurants and mobile food services Details: Restaurants, alcoholic beverages, soft drinks, and food services.
6810	Real estate business and land use rights of owners, users, or tenants Details: Real estate business (except for investment in building infrastructure for cemeteries and graveyards for the transfer of land use rights associated with infrastructure).
3212	Production of imitation jewelry and related parts
4649	Wholesale of other household appliances Details: Wholesale of finished jewelry made of gold, silver, and precious metals (excluding coins). Wholesale of suitcases, briefcases, bags, wallets, and other leather and imitation leather goods. Wholesale of watches and eyeglasses. Wholesale of imitation jewelry and related parts. Wholesale of travel goods made of leather, imitation leather, and other materials. Wholesale of fashion accessories. Wholesale of postcards and other printed matter

Code of business lines	Business lines
	(excluding printed books, brochures, pamphlets and similar publications, whether or not in single-sheet form; newspapers, specialized magazines and periodicals, whether or not illustrated or containing advertising material, and children's books, picture books, drawing books, or coloring books). Wholesale of soap, candles, essential oils, cinnamon products, horn products (except products from precious and rare animals), and sculpture products.
4773 (Main)	Retail sale of other new goods (except automobiles, motorcycles, mopeds and and auxiliary parts) Details: Trading in gold jewelry and fine arts. Retail of silver, precious metals, precious stones, semi-precious stones, and jewelry. Retailing souvenirs, wickerwork, and handicrafts. Retail of watches and eyeglasses. Retail of silver and precious metals raw materials. Export and import of gold jewelry and fine arts. Trading in gold bullion.
4679	Other specialized wholesale not elsewhere classified Details: Wholesale of handicrafts. Export and import of gold jewelry and handicrafts made of gold, silver, other precious metals, diamonds, precious stones, semi-precious stones, gold bullion, raw gold in the form of leaves, powdered wires, blocks, bars, beads, pieces (not used to produce gold bars). Export and import of jewelry, imitation jewelry, and related parts.
2420	Production of precious and non-ferrous metals Details: Production of non-ferrous metals and precious metals (except production of gold bullion).
2592	Mechanical processing; metal treatment and coating Details: Processing of gold, silver, precious stones, jewelry, imitation jewelry and related parts.
4641	Wholesale of fabrics, garments, footwear

Code of business lines	Business lines
9012	Creative visual arts activities
9020	Performing arts activities
9039	Other support activities for creative arts and performing arts
1410	Clothing production (except fur clothes) (Except bleaching, dyeing, glazing, printing on textile, sewing, knitting products, and processing of used goods)
1392	Production of ready-made textiles (except apparel) (Except bleaching, dyeing, lacquering, printing on textile, sewing, knitting, leather products, and processing of used goods)
1393	Production of carpet, blanket and mattress (Except bleaching, dyeing, lacquering, printing on textile, sewing, knitting, leather products, and processing of used goods)
1512	Production of luggage, handbags and similar items, production of saddles and cushions (Except bleaching, dyeing, lacquering, printing on textile, sewing, knitting, leather products and processing of used goods)
1520	Production of footwear (Except bleaching, dyeing, lacquering, printing on textile, sewing, knitting, leather products and processing of used goods)
4722	Retail sale of food (implemented in accordance with the Decision 64/2009/QĐ-UBND dated July 31st, 2009 and the Decision No. 79/2009/QĐ-

Code of business lines	Business lines
	UBND dated October 17th, 2009 of the People's Committee of Ho Chi Minh City on economic planning for agricultural and food business in Ho Chi Minh City) (excluding rice, cane sugar, and beet sugar)
4632	Wholesale of food (Not operating at the head office) (excluding rice, cane sugar, and beet sugar)
1709	Production of other products from paper and paperboard not elsewhere classified (Except for waste recycling at the head office)
8299	Other remaining business support service activities not elsewhere classified Details: E-commerce services.
6499	Other financial service activities not elsewhere classified (except insurance and pension fund activities) Details: Foreign currency exchange agency, foreign currency receipt and payment services. Provision of payment intermediary services.
6622	Activities of insurance agency and brokers Details: Insurance agency.
6219	Other computer programming
6220	Computer consulting and computer infrastructure management
6290	Other information technology and computer service activities Details: Troubleshoot computer problems and installation of software.

Code of business lines	Business lines
6310	Computing infrastructure, data processing, hosting and related activities
6390	Web search portal activities and other information services Details: E-commerce trading floor services.
	And other business lines that are not prohibited by law.
	Enterprises must comply with the provisions of the laws on land, construction, fire prevention and fighting, environmental protection, other provisions of law related to the operation of enterprises and business conditions for conditional business lines.

